TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04 /2025/HS-ST
Ngày: 24 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Chất - Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà Trần Thị Lệ Dung - Nguyên là giáo viên.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Quốc Dũng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trương Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - N sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn L, sinh năm 1970; nơi sinh: tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã B, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D (đã chết) và bà Lại Thị M; có vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (là bị hại trong vụ án đã chết) và có 02 con. Con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1993; tiền sự; tiền án: không; bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; trú tại: thôn F, xã H, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: ông Trần Văn L, sinh năm 1970; trú tại: thôn T, xã B, tỉnh Thanh Hóa, là chồng của bà H (trước đây là xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa); chị Trần Thị H1, sinh năm 1989; trú tại: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình, là con gái của bà H (trước đây là xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình); anh Trần Văn T, sinh năm 1993; trú tại: thôn F, xã H, tỉnh Thanh Hóa, là con trai của bà H (trước đây là xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Văn L và anh Trần Văn T: chị Trần Thị H1, sinh năm 1989; trú tại: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình), theo văn bản ủy quyền lập ngày 14/12/2024, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Cháu Phạm Văn Â, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2007; trú tại: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình), vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Văn Â; ông Phạm Văn T1, sinh năm 1948; trú tại: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình, là ông ngoại cháu Â (trước đây là xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Phạm Văn Â: ông Phạm Duy H2, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N, vắng mặt (có đơn xin được vắng mặt và gửi bài luận cứ để bảo vệ quyền lợi cho anh Â).

+ Chị Mai Thị L1, sinh năm 1999; trú tại: xóm F, xã Y, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình), vắng mặt.

+ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1970; trú tại: thôn B, xã N, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa), có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C, ông Trần Văn L2, ông Trịnh Quang V; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L là người có giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng 18 giờ ngày 08/12/2024 L điều khiển xe mô tô BKS: 36G1-186.45 chở vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, trú tại thôn F, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngồi sau đi trên đường ĐT 481D theo hướng K - N. Khi đi đến Km 0+600 đoạn qua xóm D, xã L, huyện K, L thấy phía trước cùng chiều với xe L là xe ô tô BKS: 35G-000.67 do chị Mai Thị L1, sinh năm 1999, trú tại xóm F, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình điều khiển. Lúc này tại phần đường ngược chiều có xe mô tô BKS: 35B2-258.59 do anh Phạm Văn Â, sinh ngày 24/10/2007, trú tại xóm A, xã L, huyện K đang điều khiển đi đến. Do không chú ý quan sát nên L không phát hiện ra xe của anh Â, L bật đèn xi nhan trái xin vượt xe ô tô. Tuy nhiên, chị L1 vẫn điều khiển xe ô tô đi bình thường, không giảm tốc độ và tránh về phía bên phải. Tuy lúc này chưa đủ điều kiện an toàn nhưng L vẫn điều khiển xe mô tô đi sang phần đường của xe đi ngược chiều để vượt xe ô tô. Quá trình vượt xe, phần mặt lăn và má lốp trái bánh trước xe mô tô BKS: 36G1-186.45 của L đã va chạm với mặt trước ngoài đầu càng giảm xóc bên trái bánh trước xe mô tô do anh Â điều khiển. Ngay sau va chạm, anh Â cùng xe mô tô lao xuống khu vực sông L ở bên phải theo chiều đi. Xe mô tô do L điều khiển tiếp tục va chạm với mặt lăn bánh trước bên trái xe ô tô do chị L1 điều khiển làm bà H bị ngã ra đường, xe ô tô chèn qua người bà H. Đồng thời L cùng xe mô tô tiếp tục bị xe ô tô kéo rê trên đường. Ngay khi nghe thấy tiếng va chạm, chị L1 đã phanh xe ô tô dừng lại. Hậu quả: bà H tử vong tại chỗ; anh Â và L bị thương tích phải đi điều trị tại bệnh viện, 02 xe mô tô bị hư hỏng. Chị L1 không bị thương tích gì, xe ô tô BKS: 35G-000.67 không bị hư hỏng.

Kết quả tiến hành đo nồng độ cồn thể hiện: Trần Văn L không có nồng độ cồn trong khí thở.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ tại hiện trường 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, BKS: 36G1-186.45; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen đỏ, BKS: 35B2-258.59 và 01 xe ô tô nhãn hiệu FOTON, màu xanh BKS: 35G-000.67. Thu giữ 01 bản sao Giấy phép lái xe hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 21/12/2015 cho Trần Văn L; 01 bản sao đăng ký xe mô tô BKS: 36G1-186.45; 01 Bản sao giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô - xe máy; 01 bản sao căn cước công dân của L do chị Trần Thị H1, sinh năm 1989, trú tại xóm A, xã Y, huyện K (là con gái L) giao nộp.

**** Kết quả khám nghiệm hiện trường:*** Hiện trường tại Km 0+600 đường ĐT 481D thuộc xóm D, xã L, huyện K, không bị che khuất tầm nhìn, đường hai chiều, mặt đường trải nhựa, không có vạch sơn, không có biển báo hiệu, không có dải phân cách. Chiều rộng mặt đường là 7m chiều từ Ninh Bình đi Thanh Hóa. Bên trái là lề đường đất cỏ, tiếp giáp sông L, chạy dài theo chiều đường. Lề đường đất cỏ bên trái có độ rộng 2m, lề đường đất cỏ bên phải có chiều rộng 1,8m. Theo chiều từ Ninh Bình đi Thanh Hóa lấy mép đường bên phải chuẩn. Lấy tâm cột mốc Km 0+600, ĐT481D làm điểm mốc.

Vị trí số (1) là xe mô tô BKS: 36G1-186.45 đổ nghiêng phải trên mặt đường, bánh trước xe hướng về phía Thanh Hóa, bánh sau xe hướng về phía Ninh Bình. Từ đầu trục phải bánh trước, bánh sau xe (1) ra mép đường chuẩn là 3,7m và 3m. Từ đầu trục phải bánh trước xe (1) tới điểm mốc là 5,6m.

Vị trí số (2) là xe ô tô BKS: 35G-000.67, xe đỗ trên mặt đường hướng tiến của xe về phía Thanh Hóa. Từ đầu trục bánh trước, bánh sau bên phải xe (2) ra mép đường chuẩn là 1m và 0,9m. Từ đầu trục bánh trước bên trái xe (2) về hướng Thanh Hóa tới đầu trục bánh sau xe (1) là 0,7m.

Vị trí số (3) là vết phanh, vết trượt dài màu đen in hằn trên mặt đường có kích thước (17,6x0,2)m. Vết liên tục có chiều hướng từ Ninh Bình đi Thanh Hóa. Từ điểm đầu của vết (3) ra mép đường chuẩn là 2,9m; điểm cuối của vết (3) là điểm tiếp xúc giữa mặt lăn lốp bánh trước bên trái xe (2) với mặt đường, từ tâm điểm cuối vết (3) ra mép đường chuẩn là 3,15m.

Vị trí số (4) là vết cày in hằn trên mặt đường, vết cày đứt quãng, không liên tục có chiều hướng từ Ninh Bình đi Thanh Hóa. Từ điểm đầu vết (4) ra mép đường chuẩn là 4,2m; điểm cuối vết (4) là điểm tiếp xúc giữa mặt đường và đầu núm giá để chân bên phải người điều khiển xe (1). Từ điểm cuối vết (4) ra mép đường chuẩn là 3,1m, vết có kích thước (20,8x0,6)m. Điểm đầu vết (4) thẳng về hướng Thanh Hóa tới điểm đầu vết (3) là 3,2m.

Vị trí số (5) là khu vực mảnh vỡ nhựa màu đen, đỏ rơi vãi trên diện rộng, nằm dải rác trên mặt đường có kích thước (20x7)m. T2 vết (5) vào mép đường chuẩn là 3,5m. T2 vết (5) đo thẳng về hướng Thanh Hóa vào điểm đầu vết (4) là 8,2m.

Vị trí số (6) là vị trí của xe mô tô BKS: 35B2-258.59 xe bị chìm dưới sông L, bên trái đường ĐT 481D, xe bị chìm sâu so với mặt nước 0,8m. Bánh trước xe hướng về phía Thanh Hóa, bánh sau xe hướng về phía Ninh Bình. Từ đầu trục trái bánh trước, bánh sau xe (6) tới mép đường chuẩn là 16,3m và 15m. Đầu trục bánh trước xe (6) tới điểm đầu vết (4) về hướng Thanh Hóa là 18,5m.

Vị trí số (7) là vết máu nằm trên mặt đường có kích thước (0,5x0,2)m. Từ tâm vết (7) vào mép đường chuẩn là 1,8m. Từ tâm vết (7) về hướng Thanh Hóa tới đầu trục bánh sau bên trái xe (2) là 6,3m.

Vị trí số (8) là khu vực đất bị cày xới, cây cỏ dập nát kích thước (3,1x1,4)m; vết nằm hoàn toàn trong phần lề đường cỏ đất bên trái của đường ĐT 481D và sông L, tâm vết (8) tới điểm đầu vết (4) là 12,5m. Từ đầu vị trí số (4) vào đầu vị trí số (3) là 3,2m.

** Kết quả khám nghiệm phương tiện xe ô tô BKS: 35G-00067, nhãn hiệu FOTON, số loại THACO, màu xanh:* Xe đỗ trên mặt sân bê tông phẳng, hướng nhìn khám phương tiện từ phía bánh sau về phía bánh trước, lốp các bánh còn hơi.

Tại vị trí mặt lăn bánh trước bên trái có vết tỳ trượt cao su sạch bụi đất trên diện kích thước (15x43)cm; Tại vị trí mặt lăn và má lốp ngoài bánh trước bên trái cách số "8" của hàng chữ số "8.25R16LT" 21cm vết có chiều từ tâm ra ngoài. Dấu vết tỳ trượt sạch bụi đất kích thước (2,1x8)cm.; Tại vị trí mặt trước bên trái ba đờ xốc rải rác bám dính dị vật màu nâu (dạng máu bắn) trên diện kích thước (66x23)cm, thấp nhất cách mặt đất 47cm; Tại vị trí mặt trước dưới cầu trục hàng bánh trước có vết tỳ trượt sạch bụi đất trên diện kích thước (51x7,5)cm. Đầu vết cách má lốp trong bánh trước bên trái 52cm, cách mặt đất 22,5cm; Tại vị trí má lốp trong bánh trước bên trái tương ứng vị trí hàng chữ số "GL283A" có vết sạt xước cao su sạch bụi đất trên diện kích thước (23x12)cm, vết có chiều từ ngoài vào tâm; Tại vị trí mặt lăn và má lốp trong hàng bánh sau bên trái có vết tỳ trượt sạch bụi đất; bám dính dị vật màu nâu trên diện kích thước (33x45)cm tương ứng vị trí hàng chữ "TUBE TYPE"; Hệ thống điều khiển, còi, đèn, xi nhan, phanh trước, phanh sau, phanh tay, phanh chân còn hoạt động được; Lốp bánh còn hơi.

** Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô BKS: 36G1-186.45, nhãn hiệu HONDA, loại RSX, màu đỏ, đen:* Phương tiện xe mô tô BKS: 36G1-186.45 đỗ trên mặt sân bê tông phẳng, hướng nhìn khám phương tiện từ phía bánh sau về phía bánh trước, lốp các bánh còn hơi.

Phía dưới cánh yếm bên trái bị nứt vỡ rời khỏi xe, vết vỡ có kích thước (11,5x2)cm; điểm thấp nhất cách mặt đất 37cm; Tại vị trí mặt lăn và má lốp trái tương ứng vị trí hàng chữ số DOT 18Y có vết sạt xước cao su kích thước (6,5x5,5)cm vết có chiều từ ngoài vào tâm; Cần số bên trái bị đẩy cong theo chiều từ trước về sau, phần phía sau cần số bị đẩy ép sát vào lốc máy, điểm thấp nhất cách mặt đất 21,5cm; Mặt ngoài bên trái lốc máy có vết tỳ trượt bám dính dị vật màu đen (dạng cao su) kích thước (5,5x3)cm, vết có chiều từ trước về sau, điểm thấp nhất cách mặt đất 27cm; Ốp cao su giá để chân người ngồi điều khiển bên trái bị bung rời khởi xe, lộ lõi kim loại bị cong gập theo chiều từ trước về sau lệch so với vị trí ban đầu 11cm, đầu lõi giá để chân cách mặt đất 23cm; Mặt ngoài phía sau bên trái hộp xích bị móp méo, cong vênh, biến dạng, bề mặt bám dính dị vật màu đen (dạng cao su) trên diện kích thước (15x6,5)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 25cm; Toàn bộ má lốp bên trái bánh sau có vết tỳ trượt sạch bụi đất trên diện kích thước (90x4,5)cm. Cần gương chiếu hậu hai bên trái, phải bị đẩy lệch so với vị trí ban đầu theo chiều từ trước về sau; Ốp đồng hồ công tơ mét, ốp nhựa bên trái đầu xe bị bung bật khỏi vị trí ban đầu. Ốp nhựa đầu tay lái

bên trái có vết sạt xước, rách cao su kích thước (2,5x1,5)cm điểm thấp nhất cách mặt đất 96cm; Đầu giá để chân bên phải người điều khiển có vết sạt xước rách cao su mòn vệt kim loại trên diện kích thước (2,5x1,8)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 27cm; vết có chiều từ trước về sau; Đầu giá để chân bên phải người ngồi sau có vết sạt mài kim loại kích thước (2,8x1,5)cm; điểm thấp nhất cách mặt đất 24cm; tương ứng giá kim loại bắt giá để chân bị gãy, nứt; Tại vị trí mặt ngoài phía sau tấm kim loại mặt ngoài ốp bảo vệ ống bô có vết sạt mài kim loại trên diện kích thước (12x9,5)cm; điểm thấp nhất cách mặt đất 21cm. Toàn bộ tấm ốp bị móp mép, ép sát vào bô xe máy; Xe không nổ được máy, không kiểm tra được hệ thống còi, đèn, xi nhan. Lốp hai bánh còn hơi, phanh trước, phanh sau còn hiệu lực.

** Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô BKS: 35B2-258.59, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu đỏ, đen:* Xe mô tô BKS: 35B2-258.59 đỗ trên mặt sân bê tông phẳng, hướng nhìn khám phương tiện từ phía bánh sau về phía bánh trước, lốp các bánh còn hơi.

Toàn bộ cảnh yếm bên trái bị nứt vỡ rời khỏi xe trên diện kích thước (59x4,5)cm, vết có chiều từ trước về sau, điểm thấp nhất cách mặt đất 19cm, cao nhất 69cm.

Tại vị trí mặt trước ngoài đầu càng giám sóc bên trái bánh trước có dấu vết trượt mài kim loại, có bám dính dị vật màu đen trên diện kích thước (4,5x2,5)cm, vết có chiều từ trước về sau, từ phải sang trái, điểm thấp nhất cách mặt đất 22cm.

Toàn bộ ốp nhựa đầu xe, cụm đèn chiếu sáng phía trước hai bên trái, phải, cụm đồng hồ công tơ mét bị nứt vỡ, bung bật khỏi xe trên diện kích thước (23x29)cm.

Tại vị trí mặt lăn và má lốp trái bánh trước tương ứng vị trí hàng chữ ELIES có vết sạt xước cao su sạch bụi đất trên diện kích thước (5,5x4)cm, vết có chiều từ ngoài vào tâm.

Lõi giá để chân người ngồi điều khiển bên trái bị đẩy cong theo chiều từ trước về sau so với vị trí ban đầu 8cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 26cm. Ốp chắn bùn bánh trước bên phải bị nứt vỡ kích thước (8x2)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 51cm.

Ốp nhựa phần giữa thân xe hai bên trái, phải bị nứt vỡ, bung bật khỏi vị trí ban đầu. Toàn bộ mặt lăn và má ngoài lốp phải đầu giá để chân bên phải người điều khiển, yên xe bên phải bám dính bùn đất.

Xe không nổ được máy, không kiểm tra được hệ thống còi, đèn, xi nhan. Lốp hai bánh còn hơi, phanh trước, phanh sau còn hiệu lực.

- Tại Kết luận giám định tử thi số 54/KLGĐTT-KTHS ngày 23/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh N đối với tử thi bà Nguyễn Thị H kết luận: "*Các kết quả chính: Tử thi rải rác có các vết mài trượt, sây sát da, tụ máu ở vùng đầu, ngực, bụng, mông và tay chân. Ngực mất vững, biến dạng, gãy cung trước nhiều xương sườn hai bên. Bụng bè, dập vỡ cơ hoành, dập vỡ gan và hệ thống mạc treo. Gãy vỡ phức tạp xương bả vai hai bên. Gãy kín 1/3 giữa xương đùi, dập vỡ xương bánh chè, gãy hở nhiều xương bàn chân trái. Dập rách phổi phải, tụ máu nhu mô phổi hai bên. Khoang ngực hai bên chứa đầy máu đông lẫn máu không đông. Dập rách cơ hoành, gan dập vỡ. Gan và mạc treo thoát lên khoang ngực*

qua đường rách cơ hoành. Nguyên nhân chết của Nguyễn Thị H là đa chấn thương."

- Tại Bản kết luận giám định số 005/KLTTCT-TTPY ngày 03/2/2025 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh N đối với Trần Văn L kết luận: "*Các kết quả chính: Sẹo vết thương mu bàn chân trái. Đứt gân duỗi ngón II chân trái, đã khâu nối. Vết thay đổi sắc tô da đùi – gối phải; 02 vết thay đổi sắc tố da cẳng chân phải. Bầm tím móng ngón I chân trái. Gãy đầu trên xương mác, đã can. Gãy xương bàn ngón I, II, III đã can. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Văn L tại thời điểm giám định là 28%."*

- Tại Bản kết luận giám định số 006/KLTTCT-TTPY ngày 03/2/2025 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh N đối với Phạm Văn Â kết luận: "*Các kết quả chính: 02 vết thay đổi sắc tố da bàn tay trái. Ngực, vai phải hiện đang bó bột. Gãy nền đốt bàn ngón IV. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phạm Văn Â tại thời điểm giám định là 8%."*

- Tại Kết luận giám định dấu vết cơ học số 35/KL-KTHS-CH ngày 23/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: "*1. Các phương tiện va chạm với nhau và vị trí va chạm đầu tiên giữa các phương tiện.*

1.1. Trên bánh xe mô tô 36G1-186.45 và xe mô tô biển số 35B2-258.59 có dấu vết phù hợp do va chạm với nhau. Vị trí va chạm đầu tiên là: Mặt lăn và má lốp trái bánh trước tương ứng vị trí hàng chữ số "DOT 18Y" xe mô tô 36G2-186.45 tại vị trí dấu vết sạt xước cao su kích thước (6,5x5,5)cm phù hợp va chạm đầu tiên với mặt trước ngoài đầu càng giảm sóc bên trái bánh trước xe mô tô biển số 35B2-258.59 tại vị trí dấu vết trượt mài kim loại, bám dính dị vật màu đen (dạng cao su) kích thước (4,5x2,5)cm.

1.2. Trên xe ô tô biển số 35G-000.67 và xe mô tô 36G1-186.45 có dấu vết phù hợp do va chạm với nhau. Vị trí va chạm đầu tiên là: Mặt lăn bánh trước bên trái xe ô tô biển số 35G-000.67 tại vị trí vết tỳ trượt mặt cao su, sạch bụi đất trên kích thước (15x43)cm phù hợp va chạm đầu tiên với mặt ngoài phía sau bên trái hộp xích xe mô tô 36G1-186.45 tại vị trí dấu vết móp méo, cong vênh biến dạng, bề mặt bám dính dị vật màu đen (dạng cao su) kích thước (15x6,5)cm.

1.3. Không tìm thấy dấu vết phù hợp do va chạm giữa xe ô tô biển số 35G-000.67 và xe mô tô biển số 35B2-258.59.

2. Chiều hướng chuyển động của các phương tiện ngay trước khi xảy ra va chạm: Xe mô tô 36G1-186.45 và xe mô tô biển số 35B2-258.59 chuyển động ngược chiều nhau.

Xe mô tô 36G1-186.45 chuyển động cùng chiều và ở bên trái theo hướng chuyển động của xe ô tô biển số 35G-000.67.

3. Thứ tự va chạm giữa các phương tiện: Xe mô tô 36G1-186.45 va chạm với xe mô tô biển số 35B2-258.59 trước khi va chạm với xe ô tô biển số 35G-000.67."

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KLĐG ngày 03/1/2025 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện K kết luận: "*Giá trị thiệt hại của xe mô tô BKS: 36G1-186.45 là 2.322.000 đồng*."

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KLĐG ngày 03/1/2025 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện K kết luận: "*Giá trị thiệt hại của xe mô tô BKS: 35B2-258.59 là 4.171.000 đồng*."

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Mai Thị L1 đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị H số tiền 22.000.000 đồng. Chị Trần Thị H1, sinh năm 1989, trú tại xóm A, xã Y, huyện K (là đại diện theo ủy quyền của gia đình bà H); anh Phạm Văn Â và chị Mai Thị L1 không yêu cầu L phải bồi thường khoản tiền nào khác. Đồng thời chị H1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Văn L.

* Về xử lý vật chứng đã thu giữ: Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã trả lại xe ô tô BKS: 35G-000.67 cho chị Mai Thị L1 và trả lại xe mô tô BKS: 35B2-258.59 cho bà Trần Thị T2, sinh năm 1970, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (là chủ sở hữu). Đồng thời trả lại xe mô tô BKS: 36G1-186.45 cho Trần Văn L. Chị L1, bà T2 và bị cáo L đã nhận lại tài sản, không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Quá trình điều tra, Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 30/6/2025 của Viện kiểm sát nhân khu vực 4 - Ninh Bình (trước là VKS nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình) đã truy tố bị cáo Trần Văn L ra trước Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình để xét xử về tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, bổ sung về việc Cơ quan điều tra đã trả lại Giấy phép lái xe hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh T, cấp ngày 21/12/2015 cho Trần Văn L. Bị cáo L đã xuất trình bổ sung 01 Biên bản thỏa thuận dân sự về việc khắc phục hậu quả cho đại diện bị hại số tiền 10.000.000 đồng và 01 bản sao Huân chương kháng chiến hạng nhì của ông Trần Văn D (bố đẻ bị cáo). Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn L, với mức án từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. "Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Về trách nhiệm dân sự: Chị H1 là đại diện của bị hại đã nhận 22.000.000 đồng hỗ trợ của chị L1 và nhận số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo để khắc phục hậu quả, ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về trách nhiệm dân sự; cháu Â và ông T1 là đại diện của cháu Â, chị L1, bà T2 đều không yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng và tài sản thu giữ: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản cùng các giấy tờ có liên quan cho chủ sở hữu, chủ sở hữu và người liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Trần Thị H1 tại phiên tòa chị xác định lời khai của bị cáo là đúng, chị đã nhận số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo bồi thường để khắc phục hậu quả, nay chị không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Â và Người đại diện hợp pháp của anh Â là ông Phạm Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa, song lời khai có trong hồ sơ, anh Â và ông T1 nhất trí và không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Â là ông Phạm Duy H2 gửi bài luận cứ với nội dung: Phạm Văn Â là người chưa thành niên, sau vụ va chạm giao thông, anh Â bị gãy xương vai phải, đã điều trị tại cơ sở y tế đến nay đã hồi phục, thiệt hại về xe mô tô anh Â và gia đình đã tự sửa chữa, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, ông H2 đề nghị không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa song lời khai có trong hồ sơ đều không có yêu cầu và đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ và còn được chứng minh qua việc khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản.

Bị cáo L là người có Giấy phép lại xe hạng A1 đang có giá trị pháp lý, vào khoảng 18 giờ ngày 08/12/2024, bị cáo điều khiển xe mô tô BKS: 36G1-186.45 chở vợ là bà Nguyễn Thị H ngồi phía sau, theo hướng từ K đi N (theo địa danh cũ), khi đi đến Km 0+600 đường ĐT 481D đoạn đường tại xóm D, xã L, do

không chú ý quan sát, không phát hiện có xe mô tô BKS: 35B2-258.59 do anh Â điều khiển, đi trên phần đường của xe đi ngược chiều nên bị cáo L đã điều khiển xe mô tô vượt về bên trái xe ô tô BKS: 35G- 000.67 do chị L1 điều khiển, trong khi xe của chị L1 chưa nhường đường, chưa tránh về bên phải, dẫn đến phần bên trái bánh trước xe mô tô của bị cáo va chạm với phần bên trái bánh trước của xe mô tô do anh Â điều khiển, làm anh Â và xe mô tô rơi xuống sông. Xe mô tô của bị cáo Liên tiếp T3 va chạm với phần bên trái bánh trước của xe ô tô do chị L1 điều khiển làm bà H ngã ra đường, bị xe ô tô của chị L1 chèn qua người bà H và kéo rê bị cáo L cùng xe mô tô của bị cáo trên đường cho đến khi dừng lại. Hậu quả: bà H tử vong tại hiện trường, anh Â bị tổn hại 8% sức khỏe, bản thân bị cáo L tổn hại 28% sức khỏe; thiệt hại xe mô tô BKS: 35B2-258.59 của anh Â là 4.171.000 đồng; thiệt hại xe mô tô BKS: 36G1-186.45 của bị cáo L là 2.322.000 đồng.

Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định;

Điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm:

...

23. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

Điều 14. Vượt xe:

...

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải.

5. Không được vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 điều này;

….

Điều 260. Tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a, Làm chết người:

…

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Như vậy hành vi của bị cáo L đã vi phạm vào khoản 23 Điều 8; khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008, tại thời điểm thực hiện hành vi, bị cáo L có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác. Vì vậy, hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình, truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả và chi trả về các khoản chi phí mai táng, ngoài ra có bố đẻ là ông Trần Văn D được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Lỗi dẫn đến vụ tai nạn giao thông thuộc về bị cáo, do đó với hành vi nêu trên của bị cáo, đáng lẽ phải có hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe giáo dục. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tình tiết nặng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng và đã tự nguyện khắc phục hậu quả, lo chi phí mai táng, mặt khác bị hại chính là vợ của bị cáo (đã chết) nên căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú, cũng đủ để giáo dục, răn đe bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo, pháp luật của Nhà nước đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét thấy, bị cáo L là lao động tự do, không hành nghề kinh doanh nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: sau khi sự việc xảy ra, chị L1 chủ xe ô tô BKS: 35G- 000.67 đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình bị hại số tiền 22.000.000 đồng, bị cáo L lo toàn bộ chi phí mai táng và tự nguyện thỏa thuận bồi thường để khắc phục hậu quả số tiền 10.000.000 đồng, chị H1 là người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền trên. Nay đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị H1, anh Â, ông T1, chị L1, bà T2 đều không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ, sau đó đã trả lại xe ô tô, xe mô tô cùng các giấy tờ có liên quan cho chủ sở hữu, chủ sở hữu và người liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

[8] Các vấn đề khác: Quá trình điều tra xác định anh Phạm Văn Â điều khiển xe mô tô BKS: 35B2-258.59 đi đúng phần đường của mình. Tuy nhiên anh Â chưa đủ tuổi (tại thời điểm va chạm anh mới 17 tuổi 01 tháng 14 ngày) đã điều khiển xe có dung tích xi lanh trên 50cc theo quy định. Do đó Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N, đã chuyển tài liệu đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh N đề xử phạt vi phạm hành chính với anh Â là đảm bảo có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đối với chị Mai Thị L1 điều khiển xe ô tô BKS: 35G-000.67 chấp hành đúng quy định của Luật giao thông đường bộ. Khi biết xảy ra va chạm chị L1 đã thực hiện phanh, dừng xe. Hành vi của chị L1 thuộc trường hợp "Sự kiện

bất ngờ" được loại trừ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự. Do đó chị L1 không vi phạm pháp luật.

Qua điều tra xác định bà Trần Thị T2 là chủ sở hữu xe mô tô BKS: 35B2-258.59, do không biết việc Â tự lấy xe mô tô để đi nên không có hành vi giao xe cho người chưa đủ điều kiện tham gia giao thông. Tuy nhiên năm 2017, bà T2 mua chiếc xe mô tô trên của ông Trịnh Quang V, trú tại xóm F, xã L, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xã T, huyện K) nhưng không làm thủ tục đăng ký sang tên. Do đó Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã chuyển tài liệu đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh N để xử phạt vi phạm hành chính với bà T2 là đảm bảo có căn cứ, đúng quy định.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật.

Đối với người đại diện hợp pháp của anh Phạm Văn Â đáng lẽ phải là bố mẹ đẻ anh Â, song không xác định được bố đẻ là ai, mẹ đẻ đã đi khỏi địa phương nhiều năm, không có địa chỉ, thông tin, liên lạc gì, anh Â ở với ông ngoại là Phạm Văn T1 từ nhỏ, bà ngoại đã mất, Â chỉ có một mình ngoài ra không còn ai khác nên đưa ông T1 làm người đại diện là phù hợp, mặt khác Â là hộ nghèo, cận nghèo nên thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý miễn phí, như vậy quyền lợi của anh Â đã đảm bảo.

[10] Về án phí: bị cáo Trần Văn L bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo: Trần Văn L phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2025).

Giao bị cáo Trần Văn L cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. "Trong thời

gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

2. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, N đại diện hợp pháp và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THAHS. CA tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnhNinh Bình;
- Bị cáo; Đại diện HP bị hại;
- Người BVQLHP của người CQLNVLQ;
- Người CQLNVLQ; xã B, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung.